

**“TRĂM NĂM BÀN LẠI *TRUYỆN RÁI CON*” CỦA LƯU THỦ HOA VÀ VẤN ĐỀ
NGHIÊN CỨU SO SÁNH TRUYỀN THUYẾT ĐÌNH TIÊN HOÀNG
TRONG BỐI CẢNH ĐÔNG VĂN ĐÔNG Á**

Bùi Thị Thiên Thai

Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Bùi Thị Thiên Thai, e-mail: thienthaitb@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/3/2026. Ngày sửa bài: 6/5/2026. Ngày nhận đăng: 17/6/2026.

Tóm tắt. Truyền thuyết Đình Tiên Hoàng thuộc type (kiểu truyện) *Truyện rái con* - một type truyền thuyết quen thuộc gắn với các đế vương khởi nghiệp ở khu vực Đông Á. Tuy nhiên, type *Truyện rái con* của vùng văn hóa Đông Á hầu như chưa được biết đến tại Việt Nam. Xuất thân con của rái cá trong truyền thuyết về Đình Tiên Hoàng cũng ít được chú ý lý giải dưới góc độ văn hóa. Bài viết “Trăm năm bàn lại *Truyện rái con*” của Lưu Thủ Hoa (Trung Quốc) cung cấp những thông tin tham khảo giá trị về vấn đề này với nội dung gồm 3 phần: khái quát cấu trúc cốt truyện của type truyền thuyết *Truyện rái con*; dấu ấn của thuật phong thủy trong cốt truyện và nội hàm lịch sử văn hóa của nó; một vài thảo luận xoay quanh quan điểm của các nhà nghiên cứu dân tộc Triều Tiên và Nhật Bản. Bài viết của ông gợi ra những hướng tư duy về nghiên cứu so sánh truyền thuyết Đình Tiên Hoàng trong bối cảnh khu vực đông văn Đông Á trên cơ sở phương pháp nghiên cứu type-motif kết hợp phân tích văn bản cũng như hướng tiếp cận liên khu vực đối với truyền thuyết này, cụ thể là: vấn đề phát sinh học và định vị trục ảnh hưởng (Hán hóa hay Đông Nam Á); vấn đề chủ thể kiến tạo bản kể và cấu trúc các tầng nghĩa chính trị - phong thủy của truyền thuyết.

Từ khóa: Đình Tiên Hoàng, Đông Á, Lưu Thủ Hoa, nghiên cứu so sánh, Trung Quốc.

**“A CENTURY OF REVISITING *THE STORY OF THE OTTER'S SON*”
BY LIU SHOU HUA AND COMPARATIVE RESEARCH ON THE LEGEND
OF ĐÌNH TIÊN HOÀNG IN THE EAST ASIAN SINOSPHERE**

Bui Thi Thien Thai

Institute of Literature, Vietnam Academy of Social Sciences, Hanoi, Vietnam

*Corresponding author: Bui Thi Thien Thai, e-mail: thienthaitb@gmail.com

Received March 10, 2026. Revised May 6, 2026. Accepted June 17, 2026.

Abstract. The legend of Đình Tiên Hoàng belongs to the *Otter's hybrid Son Tale* type - a well-known legend type associated with the founding emperors of East Asian cultures. However, this tale type remains largely unknown in Vietnam, and Đình Tiên Hoàng's purported descent from an otter has received little attention from a cultural perspective. The article “A Century of Revisiting the Story of the Otter's Son” by Liu Shou Hua consists of three main parts: an overview of the plot structure of the tale type; the influence of fengshui practices on its narrative structure and their historical and cultural significance; and several discussions focusing on perspectives from Korean Chinese and Japanese scholars. His study provides valuable references and suggests new directions for the comparative analysis of the legend of Đình Tiên Hoàng within the East Asian Sinosphere based on a type-motif approach combined with textual analysis and an interregional perspective. In particular, it raises questions concerning the tale's genesis and the identification of its principal sphere of influence, whether Sinicization or Southeast Asian; and the problem of narrative agency in the construction of variants; and the structuring of political and fengshui layers of meaning within the legend.

Keywords: Đình Tiên Hoàng, East Asia, Liu Shou Hua, comparative study, China.

1. Mở đầu

Từ góc độ truyền thuyết học, chúng tôi nhận thấy, truyền thuyết Đinh Tiên Hoàng thuộc type (kiểu truyện) *Truyện rái con*. Đây là một type truyện phổ biến gắn với các đế vương khởi nghiệp ở khu vực Đông Á, cụ thể trong các bản kể đã sưu tầm được đó là ở các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam, Mông Cổ. Tuy nhiên, kiểu truyện *Truyện rái con* của vùng văn hóa Đông Á hầu như chưa được biết đến tại Việt Nam. Xuất thân *con của rái cá* trong truyền thuyết về Đinh Tiên Hoàng cũng ít được chú ý lý giải dưới góc độ văn hóa. Trong khi đó, từ những năm 20 của thế kỷ XX, các nhà nghiên cứu Triều Tiên, Nhật Bản đã nghiên cứu type truyện này trên cơ sở các bản kể sưu tầm ở Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam và khẳng định: cội nguồn của kiểu truyện *Truyện rái con* là thần thoại Ju-mong – thủy tổ của Triều Tiên (59 Tr.CN – 19 Tr.CN, theo *Tam quốc sử ký*). Vào những năm 30 của thế kỷ XX: đáng chú ý nhất phải kể đến bài viết “Dị bản An Nam về truyền thuyết *Truyện rái con*” đăng trên tạp chí *Folklore Tokyo* lần đầu năm 1933 của nhà nghiên cứu văn hóa Đông Á nổi tiếng, GS. Đại học Keio Gijyuku Daigaku - Matsumoto Nobuhiro (Matsumoto, 1968). Xuất phát từ *Đinh Tiên Hoàng truyện* trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề cùng nguồn tư liệu từ truyện kể dân gian, tác giả đã khẳng định: *Truyện rái con* có lịch sử lưu truyền khá lâu đời ở cả An Nam và bán đảo Triều Tiên, do đó không thể nói rằng thần thoại Ju-mong - thủy tổ của Triều Tiên là cội nguồn của type truyện thuyết này. Đến năm 1934, Chung Kính Văn (Trung Quốc) trong thời gian du học Nhật Bản, dưới sự hướng dẫn của nhà thần thoại học nổi tiếng Mishimura Maji - Viện nghiên cứu Đại học Waseda Tokyo, ông đã hoàn thành nghiên cứu: “Nơi ra đời của truyền thuyết thuộc type *Truyện rái con* – thử phán đoán về khu vực phát tích của ba truyền thuyết đồng dạng phân bố ở Triều Tiên, An Nam và Trung Quốc” (Chung, 2008). Bài viết này đã cung cấp những tư liệu của Trung Quốc mà trước đó giới nghiên cứu chưa khảo sát được, từ đó tiến hành so sánh theo quan điểm “thuyết truyền bá” của thần thoại học và đi đến kết luận: nguồn chung của kiểu truyện này chính là ở Trung Quốc chứ không phải tự phát sinh tại bản địa, càng không phải có cội nguồn chung ở Việt Nam hay Triều Tiên như các học giả nước ngoài đã kết luận trước đó. Đây cũng là thành tựu nghiên cứu quan trọng trong sự nghiệp của người được coi là “cha đẻ của Folklore Trung Quốc” này và cũng làm nên một “định luận” trong nghiên cứu về type *Truyện rái con*. Sau Chung Kính Văn, các nghiên cứu cùng chủ đề gần như chỉ là sự nối dài của hướng nghiên cứu đó và bổ sung các dữ liệu có liên quan.

Trong bối cảnh đó, chúng tôi sẽ lấy bài viết mang tính tổng kết và phản biện “Trăm năm bàn lại *Truyện rái con*” (đăng lần đầu trên *Nghiên cứu văn học dân tộc*, số 3/2003) của Lưu Thủ Hoa (1935–), một học giả tiêu biểu trong nghiên cứu truyện kể dân gian Trung Quốc làm điểm khởi đầu, bởi đây là nghiên cứu đánh dấu bước chuyển từ cách tiếp cận phát sinh học sang việc phân tích cấu trúc, ý nghĩa văn hóa và lịch sử lưu truyền của type *Truyện rái con*, qua đó mở ra những khả năng mới cho nghiên cứu so sánh truyền thuyết Đinh Tiên Hoàng trong bối cảnh đồng văn Đông Á. Chúng tôi sử dụng bản in lại trong *Thế giới nghệ thuật truyện dân gian – Lưu Thủ Hoa tự tuyển tập* - công trình tập hợp các bài viết kết tinh hơn nửa thế kỷ nghiên cứu văn học dân gian của tác giả (Lưu, 2009). GS. Lưu Thủ Hoa và Nxb. Đại học Sư phạm Hoa Trung cũng đã đồng ý cho nhóm biên dịch chúng tôi (Đường Tiểu Thi, Bùi Thiên Thai) chuyển dịch và xuất bản công trình này tại Việt Nam.

2. Bài viết “Trăm năm bàn lại *Truyện rái con*” của Lưu Thủ Hoa

Mặc dù không có tiêu đề của các tiểu mục, nhưng bài viết của ông được đánh số theo 3 phần với các nội dung cơ bản sau: khái quát cấu trúc cốt truyện của type truyền thuyết này; dấu ấn của thuật phong thủy trong cốt truyện và nội hàm lịch sử văn hóa của nó; một vài thảo luận xoay quanh quan điểm của các nhà nghiên cứu dân tộc Triều Tiên và Nhật Bản.

2.1. Khái quát cấu trúc cốt truyện

Ở phần thứ nhất của bài viết (Lưu, 2009, tr.220), tác giả cho biết:

Đầu thế kỉ XX, chỉ có khoảng 10 văn bản truyền thuyết Truyện rái con lọt vào tầm mắt của các học giả Trung Quốc và Nhật Bản, Matsumoto Nobuhiro và Chung Kinh Văn trong các bài viết của mình đã khái quát cấu trúc cốt truyện của truyền thuyết này như sau:

1. Đưa con trai sinh ra từ cuộc hôn nhân giữa rái cá và một cô gái rất giỏi bơi lội.
2. Nhân vì có người ở xa đến nhờ cậy, cậu phát hiện ra linh vật ở trong nước.
3. Cậu bé an táng hài cốt cha vào đó.
4. Nhờ thế, cậu trở thành chúa tể trong thiên hạ.

Tuy nhiên, đến thời điểm 2003 tức thời điểm công bố bài viết, Lưu Thủ Hoa nhận thấy con số dị bản đã tăng lên đáng kể: Onohara Takamori (Nhật Bản) trong “Khảo Truyền thuyết Truyện rái con” bản dịch tiếng Trung đăng trên tạp chí *Nghiên cứu văn học dân tộc* (Onohara, 2002) đã liệt kê hơn 10 truyền thuyết cùng type mới được sưu tầm thêm. Ngoài ra, bản thân Lưu Thủ Hoa đã tìm được tới gần 20 văn bản truyền thuyết đồng dạng, trong đó ông khẳng định: “*Triệu gia thiên tử Dương gia tướng*” [họ Triệu làm vua, họ Dương đời đời làm tướng] là cấu trúc cốt truyện hoàn chỉnh nhất, lưu truyền rộng rãi nhất của type truyện này ở Trung Quốc, cụ thể là: nhân vật chính trong các bản kể - đưa con của rái cá hoặc ba ba đã thành tinh thường là Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dận, nhưng bên cạnh đó còn ghép thêm cả nhân vật Dương gia tướng - hậu duệ của thầy phong thủy đã nhờ cậu bé nhà họ Triệu đem hài cốt tổ tiên mình táng vào miệng rồng nhằm chiếm lấy “long mạch”, nhưng Triệu nhi trong lúc vội vàng đã làm sai lời dặn, đem treo hài cốt nhà họ Dương lên sừng rồng (hoặc cổ tình tráo đổi).

Ngoài ra cũng có các bản kể thay thế nhân vật Triệu Khuông Dận bằng Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương, Thanh Thái tổ Nỗ Nhĩ Cáp Xích hoặc một hoàng đế không có tên họ cụ thể, hoặc xuất hiện “Táo vương” bên cạnh Triệu vương thay thế cho dòng dõi Dương gia tướng...

2.2. Dấu ấn của thuật phong thủy và nội hàm lịch sử văn hóa

Ở phần thứ hai của bài viết (Lưu, 2009, tr.221), tác giả nêu bật dấu ấn phong thủy trong type truyền thuyết này:

Chung Kinh Văn tiên sinh khi nghiên cứu truyền thuyết Truyện rái con vào những năm 1930 đã chỉ rõ: “‘Tư tưởng phong thủy’ được thể hiện trong truyền thuyết Truyện rái con là một trong những tín ngưỡng dân gian đặc sắc nhất của dân tộc Trung Hoa”. Câu chuyện truyền miệng này sở dĩ cho đến hôm nay vẫn thu hút sự chú ý của mọi người cũng chính vì tư tưởng phong thủy mà nó chứa đựng.

Quan trọng hơn, Lưu Thủ Hoa chỉ ra, đằng sau lớp truyền thuyết phong thủy đó là nội hàm và giá trị lịch sử văn hóa của type truyện được ông gọi tên là “giác mộng Thiên tử” của dân chúng. Theo ông, sự lưu truyền của loại hình truyền thuyết này không chỉ dừng lại ở giá trị văn hóa – tinh thần, mà còn hàm chứa một chức năng xã hội đặc biệt, đó là góp phần phá vỡ huyền thoại về tính chính danh tuyệt đối của hoàng quyền cha truyền con nối, đồng thời khơi gợi ở lớp trẻ trong xã hội thế tục khát vọng vươn tới quyền lực tối thượng. Dữ liệu lịch sử đã phản ánh rõ điều đó: Hạng Vũ, khi chứng kiến Tần Thủy Hoàng tuần du Cối Kê, từng buột miệng buông lời đầy ngạo mạn rằng: “Ta có thể thay thế kẻ đó”. Đến cuối đời Hán, khẩu hiệu của khởi nghĩa Khăn Vàng với lời hiệu triệu: “Trời xanh đã chết, Trời vàng lên thay, Đến năm Giáp Tý, Thiên hạ đại cát” đã trở thành một tuyên ngôn chính trị giàu sức lôi cuốn. Cũng trong mạch ấy, khởi nghĩa Niệp quân ở An Huy đời Thanh đã cất cao khúc ca hào hùng: “Đẹp thiên hạ, tranh thiên hạ, bọn nghèo ta không sợ trời chẳng sợ đất!”. Nhìn từ bình diện lịch sử – tư tưởng, có thể khẳng định rằng những ý chí và khát vọng được biểu đạt qua các sự kiện trên đều cùng quy chiếu về một mạch nguồn tinh thần thống nhất, vốn đã được kết tinh và kí thác ngay trong những dạng truyền thuyết nói trên.

2.3. Một vài thảo luận

Ở phần thứ ba, Lưu Thủ Hoa đưa ra những thảo luận xoay quanh một vài quan điểm của các nhà nghiên cứu Nhật Bản và dân tộc Triều Tiên mà cụ thể là bài viết “Nguồn gốc kiểu truyện Kể

đến vào ban đêm” trong cuốn sách *Nghiên cứu so sánh truyện dân gian Triều – Hán* của Kim Đông Huân (Kim, 2001) và bài “Khảo Truyện thuyết Truyện rái con” của tác giả Nhật Bản Onohara Takamori (Onohara, 2002).

Trước hết, Lưu Thủ Hoa chỉ ra sự lẫn lộn trong việc lập type của Kim Đông Huân khi gộp toàn bộ các truyền thuyết thuộc type *Truyện rái con* vào type *Kẻ đến vào ban đêm*, với số lượng bản kể được thống kê ở Triều Tiên (43), Nhật Bản (140), Trung Quốc (26), Việt Nam và Mông Cổ (mỗi nước 1). Trong khảo sát của Kim Đông Huân, phần lớn các bản kể chỉ xoay quanh motif chàng trai không rõ lai lịch đến tìm bạn tình rồi bị hãm hại, trong khi phần truyện về người con chôn xương cha để trở thành vĩ nhân lại rất hiếm. Lưu Thủ Hoa nhấn mạnh rằng motif cốt lõi của *Truyện rái con* phải là câu chuyện hậu duệ tinh rái cá táng cốt phụ thân vào long huyết để trở thành thiên tử; do đó, những truyện chỉ có phần “Kẻ đến vào ban đêm” khác biệt căn bản về đặc trưng và nội hàm văn hóa, không thể gộp chung. Nhận định này cho thấy nỗ lực của ông trong việc xác lập một tiêu chuẩn phân loại và lập type khoa học hơn cho nghiên cứu truyện kể dân gian.

Tiếp đó, Lưu Thủ Hoa bày tỏ sự nghi ngờ đối với quan điểm của Kim Đông Huân (2001) về nguồn gốc type truyện, theo đó “đầu tiên nó ra đời ở khu vực văn hóa du mục phía bắc sông Hoàng Hà, sau đó cùng với sự truyền bá vào khu vực văn hóa trồng trọt phương Nam, tự nhiên hình thành một truyện kể đa dân tộc của khu vực Đông Á” (Lưu, 2009, tr.223) đồng thời nhân vật chính trong loạt truyện *Kẻ đến vào ban đêm* ở miền Bắc phần lớn thuộc loài thủy tộc, trong khi ở miền Nam chủ yếu là tinh của động thực vật trên cạn, phản ánh sự khác biệt văn hóa theo trục “Bắc - dưới nước, Nam - trên cạn”. Dù thừa nhận tính “mới lạ độc đáo” của cách lí giải này, Lưu Thủ Hoa cho rằng luận cứ vẫn chưa đủ chặt chẽ. Ông chỉ ra rằng trong thực tiễn dân gian và thư tịch cổ điển, rái cá ở cả lưu vực Hoàng Hà lẫn Trường Giang đều nhất quán được nhìn nhận như một loài thủy tộc năng động mang ý nghĩa biểu tượng gắn với “tính dâm độc” của nó, và motif “tinh rái cá” đã xuất hiện phổ biến từ thời Ngụy - Tấn trong nhiều thư tịch như *Nghệ uyển*, *Sưu thần kí*. Ở bình diện truyền thuyết, *Truyện rái con* cũng lưu truyền rộng rãi ở cả Bắc và Nam với nhân vật trung tâm đều là các loài thủy tộc như rái cá hoặc ba ba. Theo ông, sự lựa chọn này gắn với quan niệm “long mạch” thuộc về thủy vực, chỉ hậu duệ thủy tộc mới có thể thực hiện nghi lễ táng cốt. Từ việc khảo sát các biến thể của type truyện trong suốt tiến trình cổ kim, ông khẳng định không có dấu vết của một cấu trúc phân cực “Bắc – dưới nước, Nam – trên cạn” vốn tồn tại trước, rồi về sau mới dung hòa thành một chỉnh thể như giả thuyết đã nêu.

Cũng liên quan đến vấn đề nguồn gốc type truyện, tác giả Nhật Bản Onohara Takamori lại khẳng định mối liên hệ của nó với thần thoại về vật tổ, và sở dĩ truyền thuyết *Truyện rái con* còn được lưu truyền đến nay chính là nhờ sự kết hợp với truyền thuyết phong thủy, qua đó dùng lớp văn hóa phong thủy để giải thích ý niệm sâu xa về dòng máu tổ tiên khác loài. Song Lưu Thủ Hoa lại cho rằng, mối quan hệ của type truyện này với thần thoại vật tổ là không mấy rõ nét, ông chủ yếu thiên về tác động của thời đại và dấu ấn của trào lưu nhân đạo chủ nghĩa. Ông chỉ rõ, việc quy kết nguồn gốc của những vị hoàng đế khai quốc hiển hách như Triệu Khuông Dận hay Chu Nguyên Chương cho mối tư tình giữa tinh loài rái cá hoặc ba ba với một nữ nhân phạm tục, xét theo logic khách quan hiển nhiên mang tính phi lí. Tuy nhiên, ông cũng gợi cho chúng ta một ý tưởng rằng, nếu đọc như một “huyền thoại chính trị”, cấu trúc tự sự này lại cho thấy hai tầng nghĩa quan trọng. Một mặt, nó có thể là một hình thức diễn ngôn giễu nhại nhằm hạ thấp tính chính danh của bậc đế vương có xuất thân thấp hèn; mặt khác, nó cũng phản ánh trạng thái tâm lí nổi loạn được thể hiện điển hình trong tuyên ngôn đầy thách thức: “Ta có thể thay thế kẻ đó” vốn luôn tiềm tàng trong dân chúng lớp dưới. Chính trong mạch ngầm của tâm thức dân gian, niềm tin cho rằng việc an táng tổ tiên tại ngôi đất thiên tử có thể đảm bảo cho hậu duệ bước lên ngai vàng, tuy chỉ là một cơ chế tư duy mang màu sắc mê tín huyền hoặc song lại biểu đạt một nhu cầu sâu xa về sự dịch chuyển trật tự xã hội. Việc dân chúng lớp dưới nuôi dưỡng “giấc mộng thiên tử” cần được hiểu như một biểu hiện của cơ chế tâm lí - biểu tượng, đánh dấu bước chuyển biến căn bản trong nhân tâm thế đạo. Ở cấp độ tư tưởng - văn hóa, đây là minh chứng cho quá

trình hình thành một loại hình diễn ngôn về tính chính danh thay thế, nơi khát vọng của tầng lớp dưới tìm cách biện minh cho khả năng đảo lộn trật tự quyền lực truyền thống.

Trong việc so sánh các bản kể mới được phát hiện ở khu vực Đông Á như Trung Quốc đại lục, Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam, Kim Đông Huân còn đặc biệt chú ý đến tính biến dị của type truyền thuyết này, trong đó điểm nổi bật nhất là, truyền thuyết bản địa Trung Quốc đều kết thúc ở chỗ nhân vật chính được ngôi đất thiên tử, sau đó nói rõ nhân vật đó sau này chính là vị hoàng đế nào. Tuy nhiên những truyền thuyết cùng type có liên quan đến Gyeon Hwon của Triều Tiên và Đinh Bộ Lĩnh của Việt Nam thì ngoài motif “ngôi đất thiên tử” ra còn thêm thắt cả motif “kiếm thiên tử”, phải đến khi nhân vật chính tình cờ có được thanh kiếm thiên tử mới thực sự giành được quyền lực và hoàn thành sự nghiệp đế vương. Kim Đông Huân nhận định: “Motif có được kiếm thiên tử chỉ thấy ở trong những truyện thuộc type *Kẻ đến vào ban đêm* lưu truyền ở khu vực biên giới Trung - Triều và Trung - Việt, điều đó đã phản ánh tâm lí đề phòng quân sự và cảnh giác chính trị đối với thế lực thống trị dị tộc của các bộ tộc hoặc dân tộc ở những khu vực này qua các triều đại lịch sử” (Kim, 2001, tr.137). Lưu Thủ Hoa tán đồng quan điểm này. Ông cho rằng kết luận của Kim Đông Huân hoàn toàn phù hợp với thực tế. Ông cũng bổ sung lí giải tình hình diễn biến của type truyện này ở Trung Quốc: các truyền thuyết cùng type trên lãnh thổ Trung Quốc thông thường sẽ xen ghép thêm tình tiết về mối bất hòa giữa Dương gia và Triệu gia trong cuộc tranh đoạt “ngôi đất thiên tử”, cuối cùng khép lại bằng mô hình cốt truyện điển hình: “Triệu gia thiên tử, Dương gia tướng”. Cấu trúc tự sự này hàm chứa hai tầng diễn ngôn. Một mặt, nó phản ánh cơ chế tiếp biến dân gian, khi quần chúng vốn quá quen thuộc với hình tượng Dương gia tướng đã chủ động tái tạo và “gia vị hóa” cốt truyện về dòng họ này để gia tăng sức hấp dẫn. Mặt khác, nó biểu đạt một logic chính trị - tư tưởng sâu xa: địa vị quân thần được xác lập như một “thiên mệnh”, và điều này hoàn toàn phù hợp với hệ giá trị cương thường do Nho giáo kiến tạo. Phân tích của Lưu Thủ Hoa đã gợi mở cho chúng ta thấy rằng, chính trong tiến trình diễn biến của type truyện có thể thấy rõ cách mà truyền thuyết dân gian, vốn mang tính nổi loạn và chất vấn quyền lực, được tái diễn giải và dung nạp vào khuôn khổ của văn hóa chính thống phong kiến, qua đó trở thành một dạng “diễn ngôn hợp thức hóa” cho trật tự xã hội hiện tồn.

3. Vấn đề nghiên cứu so sánh truyền thuyết Đinh Tiên Hoàng trong bối cảnh đồng văn Đông Á

Khu vực văn hóa Đông Á với hai nhân tố cốt lõi là văn tự (chữ Hán) và tôn giáo (Nho giáo đã được tôn giáo hóa) với truyền thống hơn 2000 năm cho đến tận hôm nay vẫn không ngừng ảnh hưởng sâu sắc đến vận mệnh của các quốc gia thực thể cũng như mỗi cá nhân chúng ta. Trong bối cảnh văn hóa đồng văn Đông Á, Đinh Tiên Hoàng nổi lên như một nhân vật lịch sử có tầm cỡ, đồng thời cũng là một nhân vật truyền thuyết kỳ bí với hệ thống truyện kể khá phong phú, có nhiều nội dung mới và vẫn đang trong quá trình triển nở đầy sinh sắc. Với vị trí quan trọng đó, giới nghiên cứu Đông Á cũng như Việt Nam đã dành nhiều bút mực để bàn luận về nhân vật Đinh Tiên Hoàng từ nhiều góc độ. Truyền thống văn tự chữ Hán trong khu vực Đông Á cũng đã để lại những ghi chép lịch sử lâu đời về các bậc đế vương khởi nghiệp có xuất thân “Con của rái cá”. Truyền thuyết Đinh Tiên Hoàng về cơ bản đáp ứng những yêu cầu về hình thức của type *Truyện rái cá con*, không những thế còn là văn bản thành văn có niên đại sớm so với các bản kể Triều Tiên và Trung Quốc được tìm thấy trước đây.

Tuy nhiên, thông qua bài viết của Lưu Thủ Hoa và những tư liệu mà ông đã dẫn, chúng ta nhận ra đáng chú ý và đáng buồn là các nghiên cứu sau Chung Kính Văn gần như chỉ là sự nối dài của hướng nghiên cứu khẳng định nguồn gốc Trung Hoa của type *Truyện rái cá con* và bổ sung các dữ liệu có liên quan, kể cả nghiên cứu của tác giả Nhật Bản Onohara Takamori (Onohara, 2002); đặc biệt là từ sau nghiên cứu của Matsumoto Nobuhiro trở đi không có thêm bất cứ một tài liệu nào mới hơn về truyền thuyết Đinh Tiên Hoàng của Việt Nam được giới nghiên cứu Đông Á ghi nhận. Tất nhiên sau bài viết của Lưu Thủ Hoa được công bố lần đầu năm 2003 còn có một

vài nghiên cứu khác của các nhà nghiên cứu Trung Quốc (Chu, 2005); (Phan, 2018) tuy nhiên mục đích của họ vẫn nhằm tìm kiếm và khẳng định mối quan hệ truyền bá từ nơi phát tích là Trung Quốc sang các nước đồng văn.

Và như vậy, vẫn còn rất nhiều việc để làm nhằm phát huy ưu thế bản địa trong việc tiếp tục khảo sát những truyền thuyết có cùng cốt kể thuộc type *Truyện rái con* của các nước Việt Nam, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, tiến tới khám phá những tương đồng và khác biệt giữa chúng cũng như nội hàm văn hóa đằng sau những tương đồng và khác biệt đó.

3.1. Vấn đề phát sinh học và trục Hán hóa hay trục Đông Nam Á

Trở lại bài viết của Lưu Thủ Hoa, có thể nhận thấy ông không trực tiếp đối thoại với quan điểm “cội nguồn Trung Hoa” của Chung Kính Văn khi bàn về type *Truyện rái con*. Tuy nhiên, vấn đề phát sinh học của type này vẫn là một điểm không thể bỏ qua trong nghiên cứu so sánh. Chúng tôi cũng ý thức rằng cần tránh rơi vào lối tư duy “nhất nguyên luận” khi truy tìm nguồn gốc, mà phải thừa nhận khả năng đồng tồn tại của nhiều trung tâm phát sinh và nhiều tuyến truyền bá khác nhau. Bản thân Lưu Thủ Hoa, trong nhiều công trình khác về truyện kể dân gian cũng thừa nhận tính song hành giữa xu hướng “nhất nguyên” và “đa nguyên”. Tuy vậy, sự hoài nghi của ông đối với Kim Đông Huân khi bàn về nguồn gốc type này cho thấy vấn đề phát sinh học vẫn còn nhiều điểm cần tiếp tục thảo luận.

Từ các khảo sát của Chung Kính Văn và các học giả Trung Quốc sau ông, đặc biệt là những văn bản sớm trước thời Vũ Phương Đề như *Thất kính duyên* (cuối đời Thuận Trị, do Trương Đại Phúc, người Ngô Huyện – Giang Tô sáng tác) và bản chép tay *Tú y lang* đời Khang Hy, có thể thấy mô hình *Truyện rái con* đã tồn tại trong văn học Trung Hoa trước khi xuất hiện trong *Công dư tiếp kí*. Đáng chú ý là các dị bản thuộc khu vực dân tộc thiểu số Quảng Tây, Vân Nam - vốn có nhiều tương đồng văn hóa với khối Tây Âu Lạc Việt - càng củng cố giả thiết về một tuyến ảnh hưởng phương Bắc.

Ở bình diện ngôn ngữ học, lập luận của Trần Trọng Dương về từ nguyên “rái” như một từ gốc Hán (âm Tiền Hán Việt Việt hóa), chứ không phải từ gốc Nam Á (Trần, 2013, tr.68), cũng là một chỉ dấu đáng cân nhắc. Bên cạnh đó, xuất thân của Vũ Phương Đề - với dòng họ có nguồn gốc từ Phúc Kiến, thủy tổ là Vũ Hồn sang Giao Châu thời Đường - và sự hiện diện đậm đặc của hệ truyền thuyết phong thủy trong *Công dư tiếp kí* đặt ra câu hỏi về nền tảng tri thức phong thủy của dòng họ này. Đáng lưu ý là yếu tố “xuất thân rái cá” và “kiểu đất đế vương” chỉ xuất hiện trong trước tác của Vũ Phương Đề, trong khi đó truyền thuyết về Đinh Tiên Hoàng và sự ra đời kỳ lạ (mộng thấy có một người to lớn tay cầm cái ấn vua đến xin làm con; Dấu của ốc sên bò trên lá sen thành chữ Thiên tử), điềm rồng vàng xuất hiện, thậm chí cả huyền thoại *Cờ lau tập trận*, điềm báo đoàn hậu từ viên ngọc khuê bị sứt hay những lời sấm truyền... đều đã thấy ở các bộ sử sớm như *Đại Việt sử kí toàn thư*, *Việt sử lược*, hoặc sau *Công dư tiếp kí* không lâu như *Việt sử tiêu án*.

Hơn nữa, ngoài *Công dư tiếp kí* và một dị bản muộn như “Truyện thuyết về Vua Nam Chiếu trên bờ sông Trà Khúc” (Phạm, 1962), cho đến nay chưa tìm thấy hệ thống bản kể phong phú nào của type này trong dân gian Việt Nam. Những dẫn liệu về tục thờ rái cá ở Nam Bộ, dù đáng chú ý (Nguyễn, 2019), vẫn chưa cung cấp được chứng cứ trực tiếp cho sự phổ biến của mô hình “con của rái cá” như một cấu trúc tự sự mang tính hệ thống.

Những cứ liệu trên khiến giả thiết về một mô hình Hán hóa của type *Truyện rái con* trong trường hợp *Công dư tiếp kí* trở nên tương đối thuyết phục. Tuy nhiên, nếu chuyển sang một trục so sánh khác - trục Đông Nam Á - thì việc quy giản cốt truyện này về nguồn gốc Trung Hoa lại trở nên chưa thật sự trọn vẹn.

Các nghiên cứu lịch sử và dân tộc học đã chỉ ra rằng vùng Hoa Lư - Nho Quan - Gia Viễn nằm ở rìa phía nam châu thổ sông Hồng, đồng thời là vùng tiếp xúc lâu đời giữa người Việt và người Mường. Chính trong không gian chuyển tiếp này, nhiều lớp truyền thống văn hóa Việt cổ vẫn được bảo lưu trong cộng đồng Mường, từ sử thi, tín ngưỡng đền hệ biểu tượng vật linh. Trong

văn hóa Đông Sơn, hình tượng rái cá đã xuất hiện trên trống Miếu Môn cùng với hình cá sấu (giao long) trên trống Ngọc Lũ, cá sấu trên trống Phú Xuyên, ếch trên trống Hi Cương, rùa trên trống Bình Yên..., các biểu tượng này đều gắn với hệ biểu tượng nước và đặc trưng lưỡng cư - sống cả trên cạn lẫn dưới nước. Điều đó cho thấy rái cá không xa lạ trong trường biểu tượng bản địa gắn với sông nước, sinh sôi và khả năng “xuyên giới” cả trên cạn lẫn dưới nước như Nguyễn Từ Chi đã gợi ý và Tạ Đức đã khẳng định (Tạ Đức, 2013). Đặng Nghiêm Vạn cũng xác nhận rằng rái cá (tiếng Khơ Mú gọi là *di về*) là một trong những vật tổ của các dòng họ người Khơ Mú ở Điện Biên vốn di cư từ Lào sang Việt Nam. Tuy nhiên, tài liệu cũng lưu ý rằng nhóm dòng họ thờ rái cá này “còn rất ít” so với các nhóm lớn như họ Hồ hay họ Cây (Đặng, Nguyễn, Nguyễn & Thanh, 1972). Trong sử thi *Mường Đẻ đất đẻ nước*, khi cây chu rơi xuống nơi nước sâu, Cún Khương phải nhờ Rái cá xỏ dây mới kéo được chu lên để về dựng mường - một motif sáng thể mang tính khai lập cộng đồng. Như vậy, biểu tượng rái cá trong văn hóa Việt - Mường mang trường nghĩa rộng và không hẳn là yếu tố ngoại nhập. Hiện tượng trũng nở ra rồng, rắn hay khú trong folklore Việt, Tày, Mường, Thái một mặt cho thấy một cơ tầng văn hóa Đông Nam Á rộng lớn mặt khác cũng rất gần với motif con cháu thần nước khai sáng vương quyền trong truyền thuyết ở bán đảo Triều Tiên. Trong không gian văn hóa sông nước miền Trung và Nam Bộ, rái cá được gọi kính cẩn là “ông Rái” và có thực hành thờ cúng, phản ánh một hệ biểu tượng bản địa gắn với thủy giới và sinh tồn.

Từ đó có thể rút ra hai nhận định: Thứ nhất, cốt truyện về “đưa con rái cá” trong *Công dư tiệp kí* nhiều khả năng là một lớp kiến tạo muộn (thế kỉ XVIII), không giữ vị trí quan trọng trong tri thức hệ chính sử Đại Việt tiền hiện đại. Việc gia tăng sắc thái Hán hóa của bản kể này là điều có thể quan sát được, nhưng đó là sản phẩm của tầng lớp trí thức Nho học trong bối cảnh tiếp biến văn hóa. Thứ hai, việc liên hệ thủ lĩnh khai sáng với nguồn gốc linh vật thủy sinh không phải là hiện tượng xa lạ trong folklore Đông Nam Á. Đặt truyền thuyết này vào trục so sánh Đông Nam Á giúp làm giảm tính áp chế của mô hình diễn giải thuần Hán hóa - một mô hình từng chi phối cách nhìn về văn hóa Việt Nam trong nhiều thế kỉ.

3.2. Vấn đề chủ thể kiến tạo bản kể và tầng nghĩa chính trị - phong thủy

Điều Lưu Thủ Hoa đặc biệt quan tâm ở type *Truyện rái con* chính là dấu ấn của thuật phong thủy và nội hàm lịch sử - văn hóa ẩn sau lớp vỏ truyện thuyết. Ông viết:

Đó là cười nhạo xuất thân thấp hèn của họ hay nhằm thể hiện tâm lí nổi loạn “Ta có thể thay thế kẻ đó” luôn tiềm tàng trong dân chúng lớp dưới? Có lẽ là cả hai. (Lưu, 2009, tr.225)

Ở đây ông đã gợi mở một hướng tiếp cận quan trọng: truyền thuyết không chỉ kể lại quá khứ, mà còn phản ánh cấu trúc quyền lực và tâm lí xã hội của thời điểm nó được kiến tạo. Từ gợi dẫn đó, có thể đặt ra một câu hỏi khác đối với trường hợp Việt Nam: ai là chủ thể kiến tạo bản kể “đưa con rái cá” gắn với Đinh Tiên Hoàng? Phiên bản *Truyện rái con* Việt Nam tức truyền thuyết về Đinh Tiên Hoàng bên cạnh những điểm tương đồng lại nổi lên những điểm đặc thù xoay quanh nhân vật ông thấy địa lí “người Bắc” và các tình tiết có liên quan cũng như kết cục không có hậu và tình tiết *guom treo cổ ngựa* nhằm lí giải cho nguyên nhân cái chết “bất đắc kỳ tử” của cha con Đinh Tiên Hoàng - Đinh Liễn cũng như sự đoản mệnh của vương triều. Từ đó có thể đặt ra giả thuyết rằng bản kể này có thể được hình thành từ nội bộ họ tộc – hoặc như một lời đồn ác ý nhằm hạ thấp xuất thân của nhân vật, hoặc ngược lại, như một cách mỹ hóa, thần thánh hóa một xuất thân phức tạp. Vai trò của họ ngoại - Đàm thị - đặc biệt đáng chú ý, bởi nhân vật người mẹ Đàm thị, địa danh Đàm gia nương loạn cũng như vai trò đặc biệt của bà đối với người con kiệt xuất đã xuất hiện trong hầu hết những bộ chính sử. Rất có thể Đinh Tiên Hoàng không phải là con đẻ của Đinh Công Trứ và truyền thuyết chỉ là một cách (họ ngoại) hoặc dân chúng *mỹ hóa* xuất thân *con côi*, thậm chí *con hoang* của ông giống như trường hợp Lí Công Uẩn, với họ nội rất bề thế nhưng người mẹ Phạm thị lại *giao hợp với thần nhân* và đẻ rơi đức vua đầy uy vọng này ở dọc đường (chùa Rặn – Dận). Bản thân cái tên Đàm thị và đặc biệt là Đàm gia (nương) loạn được ghi trong *Sử kí* [chữ Hán: 譚] cũng khiến ta nghĩ đến vai trò của họ tộc bên ngoại trong việc hình thành truyền

thuyết cũng như vai trò hậu thuẫn cho sự trỗi dậy của Đinh Tiên Hoàng về sau. Bởi trong khi họ Đinh là một họ mạnh ở Ninh Bình, thì họ Đàm không mấy dấu vết ngoại trừ một số di tích mới mọc lên trong phong trào du lịch tâm linh đương đại như: đền Long Viên, đền Thung Lá, Lăng Phát Tích, Cổ đô Hoa Lư ở Ninh Bình; khu di tích quốc gia đình Bùn - Miếu Trúc và lăng mộ các nhân vật lịch sử ở Nam Định... Các từ đường Họ Đàm ở Vân Canh Hà Nội và Từ Sơn, Bắc Ninh đều có thờ Đinh triều quốc mẫu Đàm thị, song đây cũng có thể chỉ là hiện tượng các dòng họ truy nhận quan hệ với những nhân vật lịch sử nhằm củng cố uy tín và vị thế của mình vốn khá phổ biến trong truyền thống biên soạn gia phả ở Việt Nam. Còn di tích khá tín hơn cả là miếu Lộc Thọ ở Thái Bình lại vốn dĩ không có tên Đàm thị mà chỉ là miếu thờ Thiềm bà (hay Thiềm nương) được phát hiện ở trang Thụy Thú xưa, làng Lộc Thọ (xã Độc Lập, Hưng Hà, Thái Bình). Theo ngọc phả của nơi thờ tự này, thân mẫu của Thiềm bà mang thai sau khi nhặt được một chiếc trâm và sinh ra bà trong ánh hào quang rực sáng khắp ngôi nhà. Khi trưởng thành, Thiềm bà kết hôn với Đinh Công Trứ và sinh Đinh Bộ Lĩnh. Ngọc phả cũng cho biết bà là người giỏi võ nghệ, từng cùng các đạo quân giao chiến ở vùng Sơn Nam để trợ giúp Đinh Bộ Lĩnh trong quá trình dẹp loạn các sứ quân. Có lần, khi quân sĩ mệt mỏi phải lui quân, bà đã cùng quân đội lập doanh trại tại trang Thụy Thú để chờ thời cơ tiếp tục tiến quân. Liệu Đàm thị, hay Đàm gia nương loan có phải chỉ là một biểu tượng cho cái Đàm [âm Hán Việt cũng là Đàm 潭] – nơi tương truyền *Rái cá* xuất hiện và để lại đứa con đặc biệt?

Một khả năng khác đáng cân nhắc là việc truyền thuyết được hình thành trong bối cảnh chuyển giao quyền lực từ họ Đinh sang họ Lê. Từ quan điểm của Thẩm Quát, Ngô Sĩ Liên, Đinh Công Vũ, và cả K.W. Taylor, Trần Trọng Dương đã đặt ra nghi vấn về vai trò của Lê Hoàn trong biến cố cuối thời triều Đinh (Trần, 2019). Nếu vậy, truyền thuyết về “đứa con rái cá” có thể được hiểu như một diễn ngôn nhằm tái cấu trúc kí ức lịch sử: hoặc để lí giải cái chết đột ngột của vương triều bằng yếu tố mệnh trời và phong thủy; hoặc để làm suy giảm tính chính danh của triều đại tiền nhiệm. Trong bối cảnh đó, liệu có thể liên hệ đến nhân vật Thái sư Hồng Hiến - quân sư tâm phúc của Lê Hoàn, một “Người Bắc” đã làm đến chức quan cao nhất ở Việt Nam trong lịch sử - phải chăng cũng đồng thời là một nhà phong thủy? Hay đơn giản hơn là, truyền thuyết Đinh Tiên Hoàng cũng như những truyền thuyết khác cùng dạng đều nhằm thể hiện trạng thái tâm lí truyền kiếp của Việt Nam đối với Trung Hoa thông qua nhân vật thầy địa lí Tàu vừa tài giỏi vừa mưu sâu kế hiểm xuất hiện khá phổ biến trong hầu hết các truyền thuyết phong thủy?

Ngoài ra, cũng không loại trừ khả năng truyền thuyết còn được bồi đắp bởi những yếu tố ngẫu nhiên khác. Chẳng hạn, câu chuyện Đỗ Thích mộng thấy nuốt sao rồi mưu sát hai cha con Đinh Tiên Hoàng có thể chỉ là một nghịch lý của lịch sử hơn là kết quả của một “thuyết âm mưu”; chính tính chất kỳ dị ấy đã trở thành chất liệu để dân gian tiếp tục kiến tạo truyền thuyết. Nhận định của Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt sử ký toàn thư* rằng những chuyện sấm ký, điềm dị dễ khiến người đời sau mê hoặc cũng cho thấy ngay từ thời trung đại đã tồn tại ý thức phân biệt giữa sự thực lịch sử với những lớp diễn giải huyền dị. Và chính tính truyền kỳ như một quy luật nội tại của truyền thuyết lại tiếp tục tác động ngược trở lại đời sống dân gian, làm gia tăng tính thiêng, mở rộng phạm vi lưu truyền và được cụ thể hóa qua hệ thống di tích, tín ngưỡng...

4. Kết luận

Bài viết của Lưu Thủ Hoa theo chúng tôi không chỉ mang tính chất tổng kết một chặng đường nghiên cứu của type truyền thuyết *Truyện rái con*, đi sâu phân tích nội hàm lịch sử văn hóa của nó mà còn gợi mở nhiều vấn đề thú vị cho nghiên cứu so sánh truyền thuyết Đinh Tiên Hoàng của Việt Nam trong bối cảnh văn hóa đồng văn Đông Á nói chung, nghiên cứu so sánh văn học dân gian Việt - Trung nói riêng. Những giả thiết đặt ra còn đòi hỏi thêm những “mảnh ghép” từ thư tịch, khảo cổ, điền dã và nghiên cứu liên ngành để có thể kiểm chứng hoặc điều chỉnh. Tuy nhiên, chính việc đặt ra câu hỏi đã mở ra một hướng tiếp cận mới: xem truyền thuyết không chỉ như kí ức dân gian, mà như một diễn ngôn lịch sử sống động luôn được tái cấu trúc trong dòng chảy quyền lực và bản sắc của khu vực Đông Á.

Đúng như lời *Bạt* cho bản dịch tiếng Việt của công trình *Thế giới nghệ thuật truyện dân gian - Lưu Thủ Hoa tự tuyển tập* mà tác giả Lưu Thủ Hoa ở tuổi “thượng thượng thọ” 90 đã ưu ái viết tay gửi cho chúng tôi: *Trong cuốn sách này, tôi đã chọn in lại bài viết “Trăm năm bàn lại Truyện rái con” để cùng độc giả ôn lại câu chuyện truyền thuyết về nhân vật anh hùng cổ đại được lưu truyền rộng rãi ở cả Trung Quốc và Việt Nam. Tôi hy vọng rằng việc xuất bản bản tiếng Việt của cuốn sách này sẽ khơi dậy sự quan tâm của độc giả đối với nghệ thuật văn học dân gian, thúc đẩy nhiều hơn nữa những nỗ lực nghiên cứu so sánh xuyên quốc gia về truyện kể dân gian Trung - Việt, để mỗi nền văn hóa đều có thể tỏa sáng, tôn vinh vẻ đẹp của nhau và cùng nhau phát triển trong sự giao thoa văn hóa, thúc đẩy sự phồn vinh của văn hóa nhân loại* (Luru, 2025, tr.488).

Những chia sẻ trên cũng là điều mà chúng tôi muốn lấy làm lời kết cho bài viết này.

Ghi chú về tác giả: TS Bùi Thị Thiên Thai là nghiên cứu viên Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Tác giả tuyên bố không có xung đột về lợi ích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chung, K. V. (2008). Nơi ra đời của truyền thuyết thuộc type *Truyện rái con* - thử phán đoán về khu vực phát tích của ba truyền thuyết đồng dạng phân bố ở Triều Tiên, An Nam và Trung Quốc. Trong *Chung Kính Văn tự tuyển tập (Selected works of Chung Jingwen)*. NXB Đại học Sư phạm Thủ đô, Bắc Kinh, 252–271 (bản tiếng Trung).
- Chu, H. C. (2005). Nghiên cứu văn bản truyền thuyết thuộc type *Truyện rái con* của Việt Nam. (A study of Vietnamese texts of the type the story of the otter's son). *Nghiên cứu dân tộc*, (3) (bản tiếng Trung).
- Đặng, N. V. Nguyễn, T. B. Nguyễn, V. H., & Thanh, T. (1972). *Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Kim, Đ. H. (2001). Nguồn gốc kiểu truyện *Kể đến vào ban đêm*. Trong *Nghiên cứu so sánh truyện dân gian Triều - Hán (A Comparative Study of Korean-Chinese Folktales)*. Nxb Dân tộc Liêu Ninh, Thẩm Dương, 115–147 (bản tiếng Trung).
- Luru, T.H. (2009). “Trăm năm bàn lại *Truyện rái con*”. Trong *Thế giới nghệ thuật truyện dân gian - Lưu Thủ Hoa tự tuyển tập (The Artistic World of Folktales - Selected Works of Liu Shouhua)*. Nxb Đại học Sư phạm Hoa Trung, Vũ Hán, 219–226 (bản tiếng Trung).
- Luru, T.H. (2025). *Thế giới nghệ thuật truyện dân gian - Lưu Thủ Hoa tự tuyển tập*. NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
- Matsumoto, N. (1968). Dị bản An Nam về truyền thuyết *Truyện rái con* (*The Annamese Variant of The Story of the Otter's Son*). Trong *Tōa minzoku bunka ron kō (Studies on East Asian Ethnic Cultures)*. Seibundō Shinkōsha, 148 (bản tiếng Nhật).
- Nguyễn, T. L. (2019). Tục thờ rái cá ở Nam Bộ. Truy cập ngày 26/02/2026, nguồn <https://daidoanket.vn/tuc-tho-rai-ca-o-nam-bo-10127999.html>
- Onohara, T. (2002). Khảo truyện thuyết *Truyện rái con* (Sa Nhật Na dịch). (*A Study of The Story of the Otter's Son*). *Nghiên cứu văn học dân tộc*, (3) (bản tiếng Trung).
- Phạm, T. V. (1962). *Non nước xứ Quảng*. Nhà sách Khai Trí Sài Gòn.
- Phan, K. Q. (2018). Nguồn gốc Trung Quốc của *Truyện rái con* và sự truyền bá của nó ở Đông Á - thông qua tư liệu mới: tiểu thuyết *Mãng nam nhi* và truyện kỳ *Tú y lang* (*The Chinese Origin of The Story of the Otter's Son and Its Dissemination in East Asia: New Evidence from the Novel Mang Nan'er and the Chuanqi Xiuyi Lang*). *Nghiên cứu văn học dân tộc*, (3) (bản tiếng Trung).
- Tạ, Đ. (2013). *Nguồn gốc người Việt - người Mường*. NXB Tri thức, Hà Nội, 125-128.
- Trần, T. D. (2013). Từ nguyên của “rái cá”. *Tạp chí Từ điển học & Bách khoa thư*, 5(25), 68–75.
- Trần, T. D. (2019). *Việt Nam thế kỉ X: Những mảnh vỡ lịch sử*. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.